

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 3 - 2025
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Thanh Tâm

Ông Phan Văn Siêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Tuyền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về Tranh chấp đòi lại tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1967

Địa chỉ: F Đ, khối G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Đào Thị Thúy N, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Đức T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Bà Lê Thị T có đơn xét xử vắng mặt. Bà N, ông T1 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2019, bà Lê Thị T cho bà Đào Thị Thúy N mượn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích là lo công việc gia đình và hứa sẽ trả lại trong hạn 30 ngày. Sau khi hết thời hạn, bà T đòi nhiều lần nhưng bà N không có thiện chí trả nợ nên bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu bà N phải có trách nhiệm trả cho bà T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nói trên, bà T không yêu cầu trả lãi suất. Bà T xác định chỉ yêu cầu một mình bà N có trách nhiệm trả nợ cho bà, không yêu cầu chồng bà N là ông Huỳnh Đức T1 cùng liên đới trả nợ vì chỉ có một mình bà N ký tên vào giấy mượn tiền. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm. Vì lý do đi lại xa xôi, bận công việc nên bà T đề nghị Tòa xét xử vụ án vắng mặt bà.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà T, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm bà N chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu bị đơn bà Đào Thị Thúy N trả lại tài sản là tiền đã mượn nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp đòi lại tài sản. Bà N đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố

T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, nên theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N, ông T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Qua xác minh tại Công an phường H thì bà N, ông T1 là công dân có hộ khẩu thường trú tại Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vì bà N, ông T1 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ khi nào trở về nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bà N, ông T1 biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Trong thời gian giải quyết vụ án, bà N, ông T1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không chấp hành việc triệu tập của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của bà N, ông T1 liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà T được. Bà N, ông T1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của bà T, yêu cầu bà N trả nợ, thấy rằng: Nội dung giấy mượn tiền ngày 16/9/2019 có ghi bà Đào Thị Thúy N mượn bà T số tiền 30.000.000 đồng để lo công việc gia đình, hẹn sau 30 ngày sẽ trả, ký tên “Đào Thị Thúy N”. Theo bà T trình bày, đây đều là chữ viết và chữ ký của bà N. Sau thời hạn 30 ngày, bà Đào Thị Thúy N vẫn không trả số tiền mượn cho bà T. Đồng thời, từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà T đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N cố tình trốn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết các thông báo cho bà N để bà biết thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà N không hợp tác, không đến Tòa để cung cấp tài liệu chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N mượn tiền của bà T là có thật, việc bà N không trả tiền là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) là phù hợp theo quy định tại điều 166 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu

ông T1, chồng bà N cùng liên đới trả nợ, không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí là 1.500.000 đồng ($30.000.000 \times 5\%$).

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 166, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Buộc bà Đào Thị Thúy N trả cho bà T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu trả lãi suất. Bà T không yêu cầu ông Huỳnh Đức T1 cùng liên đới trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị Thúy N phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T 750.000 đồng (B trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0006943 ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phường

-